

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1409 / QĐ-ĐHKH, ngày 01 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình: HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Tiếng Việt: Hướng dẫn du lịch

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Du lịch

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: 04 năm

1.2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông

1.3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thang điểm: 10

- Quy trình đào tạo: Theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ *Điều kiện chung:* Theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT.

+ *Điều kiện chuyên ngành:* Không có.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du lịch được xây dựng dựa trên đánh giá nhu cầu thực tế của xã hội về nguồn nhân lực du lịch nói chung và hướng dẫn viên du lịch nói riêng trong bối cảnh tăng cường toàn cầu hóa và liên kết kinh tế khu vực. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có phẩm chất chính trị tư tưởng tốt, hiểu biết pháp luật và các quy luật hoạt động kinh tế; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng nghề thuần thực, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nhân lực du lịch chất lượng cao; có khả năng quản lý và tổ chức thực hiện, giám sát các hoạt động hướng dẫn - lữ hành tại các doanh nghiệp du lịch cũng như tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Có kiến thức và lập luận ngành: để phân tích, áp dụng các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực lữ hành – hướng dẫn.

- Có thái độ, kỹ năng cá nhân và sự chuyên nghiệp: để tiếp cận, lập luận phân tích, tư duy, tổng hợp và đề xuất sáng kiến, giải pháp để quyết các vấn đề trong thực tiễn của công việc chuyên môn.

- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm: để truyền đạt, đàm phán, thuyết phục, thiết lập tổ chức và lãnh đạo nhóm nhằm đạt tới mục tiêu đã đề ra.

- Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành quy trình quản lý hoạt động lữ hành – hướng dẫn để đáp ứng sự phát triển toàn diện của một Cử nhân Du lịch.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

STT	Cấp độ vị trí nghề	Vị trí nghề cụ thể
3.1	Nhóm vị trí nghề cơ bản	1) Hướng dẫn viên du lịch nội địa 2) Hướng dẫn viên du lịch quốc tế 3) Hướng dẫn viên tại điểm 4) MC, Hoạt náo viên 5) Teambuildinger 6) Sales tour 7) Nhân viên văn phòng lữ hành 8) Chuyên viên thiết kế tour
3.2	Nhóm vị trí quản trị	1) Trưởng, Phó phòng inbound/ outbound/ domestic 2) Điều hành tour 3) Trưởng/Phó nhóm sự kiện 4) Trưởng/Phó nhóm teambuilding
3.3	Nhóm các vị trí khác	1) Chăm sóc khách hàng, thông tin du lịch, bán hàng lưu niệm, chăm sóc sức khỏe, tổ chức vui chơi giải trí... 2) Chuyên viên Phòng/Ban/Trung tâm thuộc Bộ và Sở văn hóa - Thể thao - Du lịch như: Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch... 3) Tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về du lịch.

4. CHUẨN ĐẦU RA VÀ THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

4.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Có kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, kiến thức nền tảng về du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển hiện tại và tương lai của ngành.	
1.1	Có kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn.	3
1.2	Có kiến thức nền tảng trong lĩnh vực du lịch và hướng dẫn du lịch.	3
1.3	Có kiến thức về du lịch, hướng dẫn du lịch theo chuẩn quốc gia, phù hợp với chuẩn vùng và quốc tế.	3
2	Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, có kỹ năng và thái độ cá nhân, có kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.	
2.1	Có năng lực lập luận và giải quyết vấn đề một cách logic và hợp lý.	3
2.2	Chủ động tìm kiếm và áp dụng tri thức mới khoa học và bài bản.	3
2.3	Có suy nghĩ tầm hệ thống khi tiếp cận và giải quyết vấn đề.	3
2.4	Có kỹ năng và thái độ phù hợp với con người thời đại mới.	3
2.5	Có kỹ năng và thái độ phù hợp với lĩnh vực dịch vụ.	4
3	Có những kỹ năng và tố chất xã hội phù hợp với sự phát triển đất nước và thế giới	
3.1	Có khả năng làm việc/kết nối nhiều ngành trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ.	3
3.2	Có kỹ năng giao tiếp bằng các hình thức cơ bản một cách hiệu quả.	3
3.3	Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng ngoại ngữ.	3
4	Có năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn (năng lực C-D-I-O) phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp du lịch và xã hội.	
4.1	Có năng lực phân tích, đánh giá bối cảnh và xu hướng phát triển của xã hội nhằm áp dụng kiến thức, năng lực của bản thân vào ngành Du lịch một cách hiệu quả.	3
4.2	Có năng lực thích nghi với nhiều môi trường và hoàn cảnh công việc khác nhau.	3
4.3	Có năng lực hình thành và hiện thực hóa ý tưởng trong hoạt động nghề nghiệp	3
4.4	Có năng lực thiết kế các sản phẩm/dịch vụ liên quan đến chuyên môn phù hợp với yêu cầu của thị trường.	3
4.5	Có năng lực triển khai công việc được giao trong doanh nghiệp lữ hành.	4
4.6	Có năng lực quản lý, giám sát các công việc trong doanh nghiệp lữ hành ở các điều kiện khác nhau.	4

4.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định...
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận...
$2.0 < TĐNL \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo...
$3.0 < TĐNL \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp...
$4.0 < TĐNL \leq 5.0$		Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất...
$5.0 < TĐNL \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất (GDTC), *Giáo dục Quốc phòng - An ninh* (GDQP-AN) và các học phần ngoại khóa).

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG CÁC KHỐI KIẾN THỨC

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	29 (21,5%)	29	
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	106 (78,5%)	85	21
- Khối kiến thức cơ sở ngành	38 (28,1%)	29	9
- Khối kiến thức ngành	11 (8,1%)	8	3
- Khối kiến thức chuyên ngành	31 (23%)	22	9
- Thực tập, thực tế	19 (14,1%)	19	
- Khóa luận (hoặc HP thay thế)	7 (5,2%)	7	
Tổng	135 (100%)	114	21

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Ghi chú
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		29		
1.1	Lý luận chính trị		11		
1.1.1	MLP131	Triết học Mác – Lênin	3	3/0	1.1.1
1.1.2	MPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2/0	1.1.1
1.1.3	SCS121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2/0	
1.1.4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2/0	
1.1.5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2/0	
1.2	Ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, xã hội		18		
1.2.1	ENG141	Tiếng Anh 1	4	4/0	
1.2.2	ENG132	Tiếng Anh 2	3	3/0	
1.2.3	ENG133	Tiếng Anh 3	3	3/0	
1.2.4	GIF131	Tin học đại cương	3	2/1	
1.2.5	BLW121	Pháp luật đại cương	2	2/0	
1.2.6	VCF131	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3/0	
1.2.7	PHE	Giáo dục thể chất			
1.2.8	MIE	Giáo dục quốc phòng			
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		106		
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành		38		
Bắt buộc			29		
2.1.1	IST231	Nhập môn Khoa học du lịch	3	2/1	
2.1.2	STV231	Địa lý du lịch	3	2/1	
2.1.3	IBD231	Tiếng Anh du lịch	3	2/1	
2.1.4	TOV231	Tuyển điểm du lịch	3	2/1	
2.1.5	LAT221	Pháp luật du lịch	2	2/0	
2.1.6	HFD231	Marketing du lịch	3	2/1	
2.1.7	TOE231	Kinh tế du lịch	3	3/0	
2.1.8	RBT221	Tôn giáo, tín ngưỡng ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
2.1.9	VLA221	Văn học Việt Nam ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
2.1.10	SUS231	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	2/1	
2.1.11	VHA221	Lịch sử Việt Nam ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
Tự chọn			9/27		
2.1.12	CST231	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	2/1	
2.1.13	GFJ231	Tâm lý du lịch	3	3/0	
2.1.14	HFF231	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	3	1/2	
2.1.15	OVE231	Đại cương các dân tộc Việt Nam	3	3/0	

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Ghi chú
2.1.16	TOR231	Tài nguyên du lịch	3	3/0	
2.1.17	DIP231	Lễ tân ngoại giao	3	1/2	
2.1.18	PRE231	Đạo đức nghề nghiệp	3	3/0	
2.1.19	RMS231	Phương pháp NCKH trong du lịch	3	2/1	
2.1.20	IPT231	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2/1	
2.2	Khối kiến thức ngành		11		
Bắt buộc			8		
2.2.1	TOC331	Văn hóa du lịch	3	2/1	
2.2.2	VCH321	Phong tục tập quán Việt Nam	2	2/0	
2.2.3	ORE331	Tổ chức sự kiện	3	2/1	
Tự chọn			3/9		
2.2.4	CBT331	Du lịch cộng đồng	3	2/1	
2.2.5	TOM331	Tiếp thị du lịch	3	2/1	
2.2.6	COB331	Hành vi tiêu dùng du lịch	3	2/1	
2.3	Khối kiến thức chuyên ngành		31		
Bắt buộc			22		
2.3.1	TDM341	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	4	2/2	
2.3.2	CSG331	Nghiệp vụ hướng dẫn	3	2/1	
2.3.3	STS331	Nghiệp vụ bán chương trình du lịch	3	2/1	
2.3.4	ETG331	Tiếng Anh lễ hành	3	2/1	
2.3.5	VSM331	Danh thắng, di tích và lễ hội Việt Nam	3	2/1	
2.3.6	TBM331	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	2/1	
2.3.7	CIT321	Hoạt náo trong du lịch	3	2/1	
Tự chọn			9/21		
2.3.8	CUT331	Du lịch văn hóa	3	2/1	
2.3.9	ECT321	Du lịch sinh thái	2	1/1	
2.3.10	VTA321	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	2	2/0	
2.3.11	TPM321	Quản trị chất lượng sản phẩm lễ hành	2	2/0	
2.3.12	SPT331	Du lịch tâm linh	2	2/0	
2.3.13	COT331	Du lịch nông thôn	3	2/1	
2.3.14	TBS321	Nghiệp vụ phục vụ trên tàu thủy du lịch	2	1/1	
2.3.15	CCT321	Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng trong lễ hành - hướng dẫn	2	1/1	
2.3.16	MIT331	Du lịch MICE	3	2/1	
2.4	Thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp		19		
2.4.1	TOU421	Thực tế chuyên môn 1	2	0/2	
2.4.2	TOU442	Thực tế chuyên môn 2	4	0/4	

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Lý thuyết	Ghi chú
2.4.3	TOU443	Thực tế chuyên môn 3	4	0/4	
2.4.4	TOU441	Tập sự nghề nghiệp	4	0/4	
2.4.5	TOU451	Thực tập tốt nghiệp	5	0/5	
2.5	Khóa luận TN hoặc HP thay thế		7		
2.5.1	TOU904	Khóa luận TN	7	0/7	
	Học phần thay thế				
2.5.2	SMT341	Du lịch thông minh	4	3/1	
2.5.3	MAT331	Marketing lữ hành	3	2/1	
Tổng cộng			135		

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ

Học kỳ I

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	IST231	Nhập môn khoa học du lịch	3	2/1	
2	STV231	Địa lý du lịch	3	2/1	
3	VFC131	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3/0	
4	ENG141	Tiếng Anh 1	4	4/0	
5	PHE	Giáo dục thể chất 1			
6	Tự chọn		3/9		
6.1	CST231	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	2/1	
6.2	OVE231	Đại cương các dân tộc Việt Nam	3	3/0	
6.3	PRE231	Đạo đức nghề nghiệp	3	3/0	
Tổng			16		

Học kỳ II

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	BLW121	Pháp luật đại cương	2	2/0	
2	TOV231	Tuyển điểm du lịch	3	2/1	
3	TOU421	Thực tế chuyên môn 1	2	0/2	
4	GIF131	Tin học đại cương	3	2/1	
5	ENG132	Tiếng Anh 2	3	3/0	
6	MLP131	Triết học Mác – Lênin	3	3/0	
7	PHE	Giáo dục thể chất 2			
8	Tự chọn		3/9		

8.1	GFJ231	Tâm lý du lịch	3	3/0	
8.2	TOR231	Tài nguyên du lịch	3	3/0	
8.3	RMS231	Phương pháp NCKH trong DL	3	2/1	
Tổng			19		

Học kỳ III

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	VHA221	Lịch sử Việt Nam ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
2	ENG133	Tiếng Anh 3	3	3/0	
3	LAT221	Pháp luật du lịch	2	2/0	
4	TOU442	Thực tế chuyên môn 2	4	0/4	
5	PHE	Giáo dục thể chất 3			
6	TDM341	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	4	2/2	
7	Tự chọn		3/9		
7.1	HFF231	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	3	1/2	
7.2	DIP231	Lễ tân ngoại giao	3	1/2	
7.3	IPT231	Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2/1	
Tổng			18		

Học kỳ IV

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	IBD231	Tiếng Anh du lịch	3	2/1	
2	VLA221	Văn học Việt Nam ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
3	TOE231	Kinh tế du lịch	3	3/0	
4	TOC331	Văn hóa du lịch	3	2/1	
5	CSG331	Nghệp vụ hướng dẫn	3	2/1	
6	STS331	Nghệp vụ bán chương trình du lịch	3	2/1	
7	MIE	Giáo dục quốc phòng			
8	Tự chọn		3/9		
8.1	CBT331	Du lịch cộng đồng	3	2/1	
8.2	TOM331	Tiếp thị du lịch	3	2/1	
8.3	COB331	Hành vi tiêu dùng	3	2/1	
Tổng			20		

Học kỳ V

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	MPE121	Kinh tế chính trị Mác Lê - nin	2	2/0	
2	VCH321	Phong tục tập quán Việt Nam	2	2/0	
3	HFD231	Marketing du lịch	3	2/1	
4	TOU443	Thực tế chuyên môn 3	4	0/4	
5	ETG331	Tiếng Anh lễ hành	3	2/1	
6	Tự chọn		3/9		
6.1	CUT331	Du lịch văn hóa	3	2/1	
6.2	COT331	Du lịch nông thôn	3	2/1	
6.3	MIT331	Du lịch MICE	3	2/1	
Tổng			17		

Học kỳ VI

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	SCS121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2/0	
2	ORE331	Tổ chức sự kiện	3	2/1	
3	RBT221	Tôn giáo tín ngưỡng ứng dụng trong du lịch	2	2/0	
4	VSM331	Danh thắng, di tích và lễ hội Việt Nam	3	2/1	
5	Tự chọn		4/6		
5.1	ECT321	Du lịch sinh thái	2	1/1	
5.2	VTA321	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	2	2/0	
5.3	CCT321	Nghiệp vụ phục vụ trên tàu thủy du lịch	2	1/1	
Tổng			14		

Học kỳ VII

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	SUS231	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	2/1	
2	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2/0	
3	VCP121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2/0	
4	TOU441	Tập sự nghề nghiệp	4	0/4	
5	TBM331	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	2/1	
6	CIT321	Hoạt náo trong du lịch	3	2/1	
7	Tự chọn		2/6		
7.1	TPM321	Quản trị chất lượng sản phẩm lễ hành	2	2/0	
7.2	CCT321	Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng trong lễ	2	1/1	

		hành – hướng dẫn			
7.3	SPT331	Du lịch tâm linh	2	2/0	
Tổng			19		

Học kỳ VIII

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết/ thực hành	Ghi chú
1	TOU451	Thực tập tốt nghiệp	5	0/5	
2		Khóa luận TN hoặc học phần thay thế	7		
2.1	TOU904	Khóa luận TN	7	0/7	
		Học phần thay thế			
2.2	SMT441	Du lịch thông minh	4	3/1	
2.3	MAT331	Marketing lữ hành	3	2/1	
Tổng			12		

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

[1]. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người; Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

[2]. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Triết học Mác – Lênin*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung Học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

[3]. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Triết học Mác – Lênin*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chính sách đường lối, pháp luật của Đảng, của Nhà nước. Bên cạnh đó, cung cấp thêm tri thức các lĩnh vực như khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu sự vận động của xã hội, thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

[4]. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần học tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

[5]. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

[6]. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (60/0/0/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), ngữ âm (nguyên âm, phụ âm, trọng âm & ngữ điệu), và từ vựng (từ & cấu tạo từ), những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa ngôn ngữ, văn hoá và hành động lời nói. học phần chú trọng đến việc hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo.

[7]. Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về:

- Các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp như thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khuyết thiếu ...

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

[8]. Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.

[9]. Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chính của học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng; nắm vững các khái niệm cơ bản trong tin học; kiến thức cơ bản về máy tính và hệ điều hành windows; Microsoft Word; Microsoft Excel; Microsoft Power Point; ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch.

[10]. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, về hình thức, chức năng, bộ máy nhà nước, mối quan hệ nhà nước và cá nhân. Nội dung học phần bao gồm các phạm trù cơ bản trong hệ thống về nhà nước và pháp luật: quy luật hình thành, tồn tại, phát triển của nhà nước và pháp luật, xu hướng vận động của các hiện tượng nhà nước, pháp luật.

[11]. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phân tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam đề cập đến những vấn đề lý thuyết mang tính chất đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam. Trong đó, văn hóa Việt Nam được tiếp cận từ nhiều góc độ: không gian văn hóa và thời gian văn hóa; chức năng và cấu trúc; vật chất và tinh thần; chủ thể văn hóa và các tộc người thiểu số... Bên cạnh hệ kiến thức lý thuyết, học phần dành thời lượng đáng kể cho những kiến thức văn hóa học ứng dụng, giúp người học có kỹ năng thực tiễn, nghiệp vụ nghề nghiệp (gắn với từng đối tượng sinh viên). Từ đó, sinh viên dễ dàng thích nghi trong nhiều hoàn cảnh xã hội và vị trí công tác.

[12]. Giáo dục thể chất

Học phần trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về giáo dục thể dục thể thao: lịch sử hình thành, phát triển của thể dục, thể thao Việt Nam; phong trào Olympic; giáo dục thể chất trong trường đại học; một số khái niệm cơ bản liên quan trong lĩnh vực thể dục, thể thao; chấn thương trong thể thao và các bệnh thường gặp trong tập luyện thể dục, thể thao; khái quát chung về kỹ thuật và luật một số môn thể thao. thực hành kỹ thuật một số môn thể thao.

[13]. Giáo dục quốc phòng

Học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền

quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

[14]. Nhập môn khoa học du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Nhập môn Khoa học du lịch nhằm trang bị cho sinh viên nắm bắt những kiến thức khái quát nhất về lĩnh vực du lịch như: quá trình hình thành và phát triển du lịch; xu hướng phát triển của du lịch; thời vụ và sản phẩm du lịch; các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch; các lĩnh vực kinh doanh du lịch; nhân lực du lịch... Đi song song với khối lượng kiến thức này, người học sẽ có khả năng tiếp cận, nhận diện và bước đầu phân tích được một số đặc điểm của hoạt động du lịch như: tính thời vụ, sản phẩm du lịch, nguồn nhân lực...Đồng thời, học phần cũng hướng dẫn người học hình thành một số kỹ năng cơ bản trong nghề nghiệp như: xây dựng và tổ chức bài thuyết minh du lịch; tiếp cận và bước đầu nhận diện, phân tích điểm du lịch/tuyến du lịch; hình thành năng lực tự chủ trong xây dựng phong cách học tập và làm việc của người học du lịch/làm du lịch.

[15]. Địa lý du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Địa lý du lịch cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch trên một đơn vị lãnh thổ du lịch; đồng thời dự báo và nêu lên những giải pháp để hệ thống ấy hoạt động tối ưu. Đồng thời, Học phần cũng cung cấp cho sinh viên ngành du lịch kiến thức cơ bản về hệ thống tổ chức lãnh thổ du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch trên một đơn vị lãnh thổ, đặc điểm các vùng du lịch Việt Nam. Từ khối lượng kiến thức này, học phần hướng người học tới việc vận dụng nó vào tiếp cận, nhận diện và phân tích điểm du lịch/tuyến du lịch, vùng du lịch theo góc nhìn



của địa lý du lịch. Đồng thời, người học cũng có kỹ năng phân tích và xây dựng tuyến điểm du lịch mới dựa trên kiến thức về địa lý du lịch.

[16]. Tiếng Anh du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tiếng Anh du lịch cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong ngành du lịch, khách sạn bao gồm các chủ đề: sự phát triển ngành du lịch; các công việc trong ngành du lịch; doanh nghiệp lữ hành và đại lý du lịch; các phương tiện vận chuyển; các hình thức lưu trú du lịch; các vấn đề liên quan đến vé, đặt chỗ trong du lịch. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết CV và thư xin việc bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho việc học tập và quá trình công tác sau này.

[17]. Tuyển điểm du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn Khoa học du lịch, Địa lý du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về các điểm đến như địa lý, lịch sử, phong tục, các đặc điểm và các điểm tham quan cộng đồng dân cư địa phương, khí hậu và tính mùa vụ ảnh hưởng đến thời gian tham quan, các sự kiện đặc biệt như lễ hội, phương tiện dành cho du khách, những vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe, những cảnh báo về du lịch. Những kiến thức này sẽ cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng thể và chuyên biệt về hệ thống tuyến/điểm du lịch. Từ đó, người học hình thành nên kỹ năng phân tích, đánh giá các tuyến/điểm du lịch; vận dụng vào thiết kế được một số chương trình du lịch theo các mức độ khác nhau.

[18]. Pháp luật du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Pháp luật đại cương, Nhập môn Khoa học Du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Pháp luật du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật du lịch Việt Nam nói riêng và Pháp luật du lịch Việt Nam nói chung, cũng như việc giải quyết tranh chấp về du lịch, các chế định pháp lý khác có liên quan đến hoạt động du lịch. Đồng thời, học phần giới thiệu những chế định pháp lý trên trong từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là chế định pháp lý trong lĩnh vực lưu trú; đánh giá được vai trò quản lý của Nhà nước đối với hoạt động du lịch nói chung và lĩnh vực lữ hành nói riêng. Học phần rèn luyện cho người học khả năng nhận diện và phân tích các vấn đề liên quan đến quy định của pháp luật trong du lịch nói chung và trong kinh doanh lữ hành nói riêng. Từ đó, tùy theo vị trí công việc trong thực tế mà sinh viên có thể vận dụng kiến thức về pháp luật du lịch để xử lý các tình huống có liên quan trong thực tế nghề hướng dẫn – lữ hành theo đúng quy định của Nhà nước mà vẫn đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp cũng như của khách hàng.

[19]. Marketing du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề chủ chốt sau đây: tổng quan về hoạt động marketing, những đặc trưng của marketing du lịch – lữ hành; môi trường kinh doanh năng động, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức về chiến lược marketing sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến trong hoạt động kinh doanh du lịch; phân khúc thị trường trong marketing du lịch; sự hình thành sản phẩm trong ngành du lịch; công nghệ thông tin và truyền thông trong ngành du lịch. Khối kiến thức kể trên chính là cơ sở để học phần dành một thời lượng nhất định để hướng dẫn và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: phân tích thị trường du lịch, phân tích ma trận swot để đề xuất các chiến lược marketing phù hợp, sử dụng một số ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động quảng bá – xúc tiến du lịch nói chung và vận dụng trong lĩnh vực lữ hành – hướng dẫn nói riêng.

[20]. Kinh tế du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về lĩnh vực kinh tế du lịch như các khái niệm về cung du lịch, cầu du lịch, tiêu dùng du lịch, đầu tư du lịch,... Đồng thời, học phần cũng đề cập đến các nội dung quan trọng như vấn đề du lịch và việc làm, giá cả du lịch và lạm phát, cũng như vai trò quan trọng của du lịch trong tổng hòa nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần cũng dành một thời lượng đủ để trình bày nội dung kinh tế học về kinh doanh du lịch trong các doanh nghiệp như: khả năng sinh lời của các dự án du lịch, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp du lịch, chiến lược cạnh tranh, tài khoản của doanh nghiệp du lịch và việc tính toán phân tích kinh tế,...Khối kiến thức kể trên chính là cơ sở để hình thành cho người học kỹ năng phân tích bài toán kinh tế trong doanh nghiệp du lịch nói chung và doanh nghiệp lữ hành nói riêng. Từ đó, người học có kỹ năng xác định tỷ suất đầu tư, tính toán công nợ, tính toán niên khoản trả nợ, xác định điểm hoà vốn, xác định đường sản xuất, xác định thị trường mục tiêu cho doanh nghiệp,...

[21]. Tôn giáo, tín ngưỡng ứng dụng trong du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các tôn giáo lớn trên thế giới cũng như hệ thống tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam. Từ cái nhìn hệ thống, học phần cũng giúp sinh viên đi vào nhìn nhận chi tiết những tôn giáo và tín ngưỡng điển hình ở Việt Nam. Đây chính là cơ sở để người học tiếp cận, nhận diện những giá trị nổi bật của tôn giáo và tín ngưỡng vào hoạt động du lịch, từ đó góp phần hình thành nên kỹ năng vận dụng những kiến thức đó trong việc kiến tạo và tổ chức thực hiện các sản phẩm/dịch vụ du lịch như chương trình du lịch tâm linh/du lịch văn hóa,...các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn gắn liền với các giá trị tôn giáo và tín ngưỡng: thuyết minh tại điểm du lịch tôn giáo/tín ngưỡng, hướng dẫn tuyến du lịch chuyên đề tôn giáo/tín ngưỡng,...

[22]. Văn học Việt Nam ứng dụng trong du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Văn học Việt Nam ứng dụng trong du lịch nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình văn học Việt Nam với các tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn lịch sử và không gian văn hóa. Học phần còn hướng tới các nội dung bổ trợ chuyên môn cho sinh viên ngành Du lịch nói chung, chuyên ngành Lễ hành, hướng dẫn nói riêng, như: vai trò của văn học trong du lịch, hệ thống địa danh gắn với văn học và một số mô hình, sự kiện và sản phẩm du lịch khai thác giá trị văn học ở Việt Nam. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện một số kỹ năng ứng dụng văn học vào du lịch: thuyết minh điểm đến gắn với điển tích văn học và tác giả văn học, vận dụng tri thức văn học để xây dựng bài thuyết minh, thiết kế nội dung truyền thông, lên ý tưởng, kịch bản cho một số sản phẩm du lịch khai thác giá trị văn học...

[23]. Kinh doanh dịch vụ bổ sung (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về: các khái niệm về dịch vụ, dịch vụ bổ sung và kinh doanh dịch vụ bổ sung; tìm hiểu vai trò, chức năng, đặc điểm, quy luật của kinh doanh dịch vụ bổ sung và các dịch vụ bổ sung tiêu biểu trên thế giới từ xưa tới nay. Học phần này cũng giúp sinh viên làm rõ các tính chất và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lĩnh vực du lịch, cũng như quản trị chất lượng dịch vụ trong du lịch và các yếu tố con người trong kinh doanh dịch vụ bổ sung. Không chỉ cung cấp kiến thức, học phần còn rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng nghề nghiệp như: kiến tạo, xây dựng các sản phẩm/dịch vụ bổ sung theo từng mức độ và quy mô khác nhau; quảng bá/xúc tiến dịch vụ bổ sung đến với khách du lịch,...

[24]. Lịch sử Việt Nam ứng dụng trong du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về thông sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay với các nội dung về chính trị-quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử của từng thời kì,... Từ đó làm căn cứ để vận dụng vào nghề nghiệp lữ hành – hướng dẫn như: xây dựng các bài thuyết minh du lịch, giải mã kiến trúc cổ, câu chuyện về các anh hùng dân tộc, nâng tầm giá trị của các chứng tích chiến tranh,... Học phần cũng góp phần giúp sinh viên hình thành và củng cố kỹ năng xác định các điểm, tuyến du lịch có liên quan mật thiết đến lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam.

[25]. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản, vai trò và đặc trưng của giao tiếp, nguyên tắc, mục đích, chức năng và các loại hình giao tiếp cơ bản. Đồng thời, học phần cũng tập trung vào trao đổi, chia sẻ, trang bị một số kỹ năng giao tiếp nói chung và giao tiếp trong nghề du lịch nói riêng: làm việc nhóm, thuyết trình, thuyết minh du lịch, thương lượng/đàm phán, giao tiếp thời đại 4.0... Đây cũng chính là công cụ giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống giao tiếp trong đời sống xã hội, gia đình và trong nghề du lịch một cách hiệu quả.

[26]. Tâm lý du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn Khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về tâm lý học như sự hình thành và phát triển tâm lý, một số phương pháp nghiên cứu tâm lý nói chung và một số hiện tượng, quy luật tâm lý tác động phổ biến trong du lịch. Giúp sinh viên nắm được tâm lý khách du lịch theo các tiêu thức khác nhau như quốc gia, nghề nghiệp, lứa tuổi... và một số nghệ thuật trong hoạt động giao tiếp, ứng xử, đạo đức nghề

nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ trong du lịch. Từ đó, học phần hướng dẫn sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để hình thành kỹ năng tìm ra quy luật hoạt động tâm lý con người để áp dụng vào hoạt động chiến lược Marketing, chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối, quảng cáo,...nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh du lịch. Đồng thời, học phần cũng hướng đạo cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và ứng xử đối với khách du lịch; kỹ năng nhận biết và giải thích được một số hành vi trong ứng xử với khách du lịch.

[27]. Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch, Tin học đại cương*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong du lịch như: giúp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng vì thế việc ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch đang ngày càng trở nên phổ biến và linh hoạt hơn. Học phần cũng mô tả việc công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý và đưa ra những định hướng phù hợp trong vấn đề phát triển doanh nghiệp và du lịch, không những thế còn là một công cụ hỗ trợ hoàn hảo trong tiếp thị và tăng sức cạnh tranh cũng như thu hút nhiều đối tượng khách hàng. Đặc biệt, học phần giới thiệu và bước đầu hướng dẫn thao tác cơ bản cho sinh viên thực hành trên một số ứng dụng công nghệ thông tin được dùng phổ biến trong hướng dẫn – lữ hành.

[28]. Đại cương các dân tộc Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản (dân tộc học, nhân học, dân tộc, tộc người, quốc gia dân tộc...), những kiến thức cơ bản về đặc điểm của các tộc người (dân tộc) và các vùng tộc người ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu Dân tộc học về một tộc người; có khả năng vận dụng các kiến thức về các tộc người và vùng tộc người vào việc hướng dẫn du lịch, xây dựng các

dự án phát triển du lịch ở các tộc người, vùng miền núi và dân tộc thiểu số; bước đầu làm quen với việc nghiên cứu các tộc người. Trên cơ sở những kiến thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp như: xây dựng các bảo thuyết minh du lịch, xây dựng chương trình du lịch, kiến tạo các sản phẩm lưu niệm mang sắc thái văn hóa địa phương,...

[29]. Tài nguyên du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống cơ sở lý luận về tài nguyên du lịch bao gồm các khái niệm có liên quan, phân loại, đặc điểm, ý nghĩa và vai trò của tài nguyên du lịch trong hoạt động du lịch, phương pháp và cách thức đánh giá tài nguyên du lịch. Học phần cũng đi sâu phân tích và đánh giá tác động toàn diện của du lịch đến tài nguyên và môi trường du lịch nói riêng và tài nguyên, môi trường nói chung; giới thiệu về cách thức quản lý tài nguyên du lịch theo hướng bền vững, áp dụng công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu và phân tích khái quát về hệ thống tài nguyên du lịch của từng vùng du lịch Việt Nam, chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế trong việc khai thác tài nguyên du lịch trong từng vùng. Người học có thể vận dụng những kiến thức của học phần vào thiết kế các chương trình du lịch, khai thác các điểm/tuyến du lịch, cũng như quản lý tài nguyên du lịch.

[30]. Lễ tân ngoại giao (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân ngoại giao, bao gồm khái quát chung về lễ tân ngoại giao (khái niệm, vai trò, tính chất, nguyên tắc, yêu cầu), đón tiếp phái đoàn ngoại giao (công tác đón tiếp, cách sắp xếp chỗ ngồi trên ô tô, ngôi thứ và chỗ ngồi), thực hiện các nghi lễ ngoại giao (chiêu đãi ngoại giao, phát biểu, trang phục, quốc kỳ và quốc ca, quà tặng và đồ lưu

niệm, ký sổ vàng) và phép lịch sự xã giao (cách chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, cách nói chuyện, làm khách và tiếp khách, sử dụng danh thiếp, sử dụng điện thoại, khiêu vũ).

[31]. Đạo đức nghề nghiệp (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về đạo đức học như: khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức; mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội; sự hình thành đạo đức cá nhân như: tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm, tình yêu lao động, học tập không biết mệt mỏi; những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người làm du lịch, đặc trưng của nghề du lịch – đặc biệt là trong lĩnh vực hướng dẫn – lễ hành, một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm lễ hành – hướng dẫn, vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người làm nghề du lịch trong nền kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

[32]. Phương pháp NCKH trong du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp NCKH trong du lịch nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch; về vị trí, vai trò, mục đích và ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu du lịch; hiểu được cấu trúc và quy trình tiến hành, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực du lịch. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên tư duy đổi mới, sáng tạo trong khoa học du lịch, hình thành kỹ năng và thực hành ứng dụng các phương pháp nghiên cứu du lịch, xác định đề tài nghiên cứu, xác định được quy trình và có năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài Du lịch phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và quá trình công tác sau này.

[33]. Thanh toán quốc tế trong du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch; tạo lập cho sinh viên những cơ sở lý luận và phát triển những kỹ năng thực hành, giúp nắm bắt được các nghiệp vụ thanh toán quốc tế nói chung, cũng như những nét đặc trưng của hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học sẽ có thể vận dụng linh hoạt các phương thức và phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động kinh doanh du lịch.

[34]. Văn hóa du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Nhập môn khoa học du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức về văn hóa du lịch, nền tảng văn hóa cho hoạt động thực tiễn như: văn hóa của chủ thể du lịch, văn hóa của khách thể du lịch, văn hóa của doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các tiêu chuẩn quốc gia, vùng và thế giới về văn hóa du lịch. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng về văn hóa du lịch để xử lý các vấn đề nghề du lịch trong thực tiễn.

[35]. Phong tục, tập quán Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam; cung cấp các kiến thức về các tín ngưỡng dân gian trong đời sống tâm linh của người Việt; tìm hiểu các lễ hội tiêu biểu nhằm tăng thêm sự hiểu biết về một nền văn hóa đa dạng đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức học phần để phát triển nghề nghiệp sau

này; kết hợp các lễ hội theo từng thời gian cụ thể để xây dựng chương trình du lịch đặc sắc, hấp dẫn.

[36]. Tổ chức sự kiện (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm, nhận dạng được môn tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện; nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Học phần cung cấp cho người học khả năng hoạch định như nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, từ đó có khả năng sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện, tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

[37]. Du lịch cộng đồng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch cộng đồng như: khái niệm, nội dung, nguyên tắc, hình thức, tác động của du lịch cộng đồng đến kinh tế - xã hội... Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình du lịch cộng đồng, cũng như vận dụng kiến thức đã học được để sáng tạo những sản phẩm/dịch vụ liên quan đến du lịch cộng đồng.

[38]. Tiếp thị du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về quá trình tư duy tiếp thị du lịch có hệ thống, những đặc trưng của tiếp thị du lịch cũng như môi trường kinh doanh năng động trong du lịch. Học phần cũng tập trung làm rõ các phối

thức tiếp thị cho các dịch vụ du lịch phù hợp với phân khúc thị trường khác nhau. Người học có thể vận dụng kiến thức của học phần này trong thực tiễn công nghệ thông tin truyền thông và tiếp thị du lịch.

[39]. Hành vi tiêu dùng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về hành vi khách hàng; hành vi của khách hàng trong quá trình mua sắm; động cơ và hành vi của khách hàng; nhận thức của khách hàng; thái độ của khách hàng và các ảnh hưởng của yếu tố văn hóa xã hội đến hành vi khách hàng. Từ đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn phục vụ khách trong quá trình cung cấp dịch vụ hướng dẫn – lữ hành, mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

[40]. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (30/0/60/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

[41]. Nghiệp vụ hướng dẫn (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: phương pháp tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng dẫn du lịch (tổ chức gặp mặt đón đoàn, bố trí lưu trú, ăn uống, tham

quan...), phương pháp nghiên cứu để hiểu tâm lý, nhu cầu của khách du lịch,...từ đó phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách du lịch trong quá trình du lịch theo đúng tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam VTOS. Vì vậy, học phần hướng dẫn và rèn luyện cho người học kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch theo đúng Tiêu chuẩn nghề du lịch quốc gia: thuyết minh du lịch, hoạt náo du lịch, chăm sóc khách, kết nối/phối hợp/giám sát dịch vụ được cung ứng trong tour, quảng bá/xúc tiến thương hiệu doanh nghiệp lữ hành,...

[42]. Nghiệp vụ bán chương trình du lịch (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về bán hàng nói chung và nghiệp vụ bán chương trình du lịch nói riêng. Người học có thể vận dụng kiến thức đó để tiếp cận khách hàng (khách đoàn/khách lẻ) giới thiệu về chương trình du lịch của công ty; tư vấn, thuyết phục khách hàng mua sản phẩm; duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng cũ và chủ động tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

[43]. Tiếng Anh lữ hành (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Tiếng Anh du lịch*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan trong công tác hướng dẫn Du lịch (chào khách – giao tiếp với khách, giới thiệu lịch trình, thuyết minh cung đường, tổng quan điểm, thuyết minh tại điểm; vấn đề an ninh, an toàn, giải quyết các vấn đề phát sinh khi hướng dẫn khách du lịch). Các vấn đề này đều được tích hợp vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp, từ đó sẽ giúp cho sinh viên ứng dụng được việc sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong hướng dẫn du lịch, đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học.

[44]. Danh thắng, di tích và lễ hội Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần đề cập những kiến thức tổng quát về di tích và thắng cảnh Việt Nam, bao gồm các di tích lịch sử, di tích văn hóa và danh thắng ở Bắc, Trung, Nam Việt Nam, đặc biệt ở Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng - Quảng Nam. Học phần cũng đề cập tới phương pháp nghiên cứu, công tác trùng tu và các giải pháp bảo tồn và phát triển các di tích danh thắng phục vụ kinh tế xã hội, nhất là phục vụ du lịch. Người học có thể vận dụng kiến thức được cung cấp để xây dựng bài thuyết minh du lịch, phân tích và thiết kế chương trình du lịch, tư vấn và bán chương trình du lịch.

[45]. Quản trị kinh doanh lễ hành (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Trang bị những kiến thức về khái niệm, vai trò của lễ hành, sản phẩm của kinh doanh lễ hành, thị trường khách của hãng lễ hành; xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp lễ hành, cách thức đàm phán, làm việc với các đơn vị kinh doanh liên quan; những nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức hãng lễ hành, cách tiếp cận và phương pháp xây dựng mô hình tổ chức cho hãng lễ hành, chức năng và phạm vi trách nhiệm của một số phòng ban cơ bản trong doanh nghiệp lễ hành; tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và tổ chức bán chương trình tour. Những kiến thức trên góp phần giúp người học hình thành và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp: xác định và xây dựng sản phẩm lễ hành, tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và tổ chức bán chương trình tour, đàm phán và thương lượng các hợp đồng lễ hành, xây dựng kế hoạch nhượng quyền thương hiệu hoặc các kênh phân phối sản phẩm lễ hành...

[46]. Du lịch tâm linh (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về văn hóa tinh thần, tín ngưỡng, tôn giáo làm cơ sở để thực hiện hoạt động du lịch dựa trên khai thác các giá trị tâm linh ấy. Người học có thể vận dụng hệ thống kiến thức này để xây dựng bài thuyết minh du lịch, phân tích và thiết kế chương trình du lịch, tư vấn và bán chương trình du lịch tâm linh, tổ chức hướng dẫn chương trình du lịch tâm linh.

[47]. Du lịch văn hóa (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần du lịch văn hoá cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch văn hoá như khái niệm, đặc trưng của du lịch văn hoá... Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu đến sinh viên những loại hình du lịch văn hóa đang được chú trọng ở một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời học phần này giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch. Từ những kiến thức được cung cấp, người học không chỉ nhận diện, phân tích được những vấn đề có liên quan đến du lịch văn hóa mà còn có thể xây dựng bài thuyết minh về điểm/tuyến du lịch văn hóa, thiết kế chương trình du lịch du lịch văn hóa, tổ chức hướng dẫn chương trình du lịch văn hóa, tư vấn và bán chương trình du lịch văn hóa.

[48]. Du lịch sinh thái (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản và có hệ thống về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, các loại hình du lịch sinh thái, các kiến thức, phương pháp hướng dẫn và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái. Từ những kiến thức được cung cấp, người học không chỉ nhận diện, phân tích được những vấn đề có liên quan đến du lịch sinh thái mà còn có thể xây dựng bài thuyết minh về điểm/tuyến du lịch sinh thái, thiết kế chương trình du lịch du lịch sinh

thái, tổ chức hướng dẫn chương trình du lịch sinh thái, tư vấn và bán chương trình du lịch sinh thái.

[49]. Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghệ thuật nói chung, khái niệm và nguồn gốc của nghệ thuật cùng những đặc trưng xã hội – thẩm mỹ. Học phần đưa ra hệ thống của các loại hình nghệ thuật đồng thời so sánh văn học với các loại hình nghệ thuật khác như văn học với nghệ thuật tạo hình, văn học với nghệ thuật âm nhạc. Đặc biệt, học phần này sẽ cho sinh viên hiểu được những đặc trưng của thẩm mỹ Việt Nam.

[50]. Hoạt náo trong du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/0/30/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức tổng quan về hoạt động hoạt náo và hoạt náo trong du lịch. Đồng thời, môn học cũng cung cấp quy trình tổ chức các hoạt động hoạt náo trong du lịch. Từ những kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào thực tế để xây dựng kịch bản hoạt náo, tổ chức hoạt náo, quản trị rủi ro trong hoạt náo du lịch. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng tổ chức Gala Dinner, kỹ năng dẫn chương trình,...

[51]. Du lịch MICE (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến việc tổ chức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên và đối tác. MICE – viết tắt của Meeting (hội họp), Incentive (khen

thường), Convention (hội nghị, hội thảo) và Exhibition (triển lãm). Từ những kiến thức được cung cấp, người học không chỉ nhận diện, phân tích được những vấn đề có liên quan đến du lịch MICE mà còn có thể thiết kế chương trình du lịch du lịch MICE, tổ chức hướng dẫn chương trình du lịch MICE, tư vấn và bán chương trình du lịch MICE.

[52]. Nghiệp vụ phục vụ trên tàu thủy du lịch (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/0/30/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn VTOS nghiệp vụ tàu thủy du lịch, bao gồm ba bậc từ bậc 1 đến bậc 3 dành cho các nhân viên phục vụ trên tàu thủy du lịch. Theo đó, học phần đưa ra hướng dẫn và tiêu chuẩn đối với các công ty tàu thủy du lịch và nhân viên một cách rõ ràng để thực hiện các quy trình chất lượng trong công việc và trong kinh doanh. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế nghề phục vụ trên tàu thủy du lịch.

[53]. Quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Quản trị kinh doanh lữ hành*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sản phẩm lữ hành, chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm nói chung và trong lĩnh vực lữ hành nói riêng, bao gồm những nội dung chủ yếu sau: các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, các kỹ thuật kiểm soát quá trình quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành, các nguyên lý cơ bản của một hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm lữ hành phổ biến hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành thông qua các công cụ: thống kê, đánh giá chất lượng sản phẩm lữ hành, lập kế hoạch xây dựng và kiểm soát chất lượng sản phẩm, hỗ trợ phân phối sản phẩm lữ hành ra thị trường, quản lý phản hồi của khách hàng, điều chỉnh sản phẩm...

[54]. Du lịch nông thôn (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến du lịch nông nghiệp/nông thôn. Từ những kiến thức được cung cấp, người học không chỉ nhận diện, phân tích được những vấn đề có liên quan đến du lịch nông thôn mà còn có thể xây dựng bài thuyết minh về điểm/tuyến du lịch nông thôn, thiết kế chương trình du lịch du lịch nông thôn, tổ chức hướng dẫn chương trình du lịch nông thôn, tư vấn và bán chương trình du lịch nông thôn.

[55]. Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng trong lễ hành - hướng dẫn (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/0/30/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Quản trị kinh doanh lễ hành*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về vai trò và tầm quan trọng của khách hàng đối với doanh nghiệp lễ hành, bản chất mối quan hệ của doanh nghiệp lễ hành với khách hàng; hệ thống các dịch vụ chăm sóc khách hàng trong kinh doanh lễ hành. Từ đó, người học không chỉ nắm được các kỹ năng chăm sóc khách hàng mà còn biết lập kế hoạch và xây dựng mối quan hệ với khách hàng; đồng thời, biết cách xử lý than phiền, khiếu nại của khách hàng; vận dụng vào thực tiễn công việc để quản lý hoạt động du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp.

[56]. Marketing lễ hành (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về marketing lễ hành. Từ đó đưa ra các phương pháp nghiên cứu nhu cầu của khách du lịch, phân tích hành vi tiêu dùng của khách du lịch và các phương thức cung ứng sản phẩm trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành. Vận dụng

kiến thức của môn học về các công cụ và chính sách marketing du lịch, sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng xây dựng, thực hiện chiến lược marketing cho doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

[57]. Du lịch thông minh (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (45/0/30/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về cách mạng công nghệ 4.0 nói chung và những ảnh hưởng của nó đối với ngành du lịch. Đồng thời, học phần cũng cung cấp hệ thống kiến thức, kỹ năng giúp người học vận dụng được công nghệ - khoa học kỹ thuật tiên tiến vào quá trình nghề du lịch.

[58]. Thực tế chuyên môn 1 (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (0/0/60/60)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần củng cố cho sinh viên những kiến thức đã được học về du lịch – lữ hành; giúp sinh viên nhận diện các vị trí, công việc của từng bộ phận trong lĩnh vực lữ hành đồng thời có thể thực hiện nghiệp vụ của một phụ tour, trình bày được bài thuyết minh du lịch...

[59]. Thực tế chuyên môn 2 (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (0/0/120/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Thực tế chuyên môn 1*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên hình thành nghiệp vụ tác nghiệp cơ bản tại các vị trí nghề trong lĩnh vực lữ hành dưới sự hướng dẫn của người phụ trách tại cơ sở thực tập.

[60]. Thực tế chuyên môn 3 (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (0/0/120/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Thực tế chuyên môn 2*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên hình thành nghiệp vụ tác nghiệp chuyên sâu tại các vị trí nghề trong lĩnh vực lễ hành dưới sự hướng dẫn của người phụ trách tại cơ sở thực tập.

[61]. Tập sự nghề nghiệp (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (0/0/120/120)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Thực tập nghề nghiệp 02*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên tác nghiệp chuyên sâu tại một vị trí nghề dưới sự hướng dẫn của người phụ trách tại cơ sở thực tập.

[62]. Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 75 (0/0/150/150)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Thực tế chuyên môn 3, khởi nghiệp, tập sự nghề nghiệp*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên tác nghiệp chuyên sâu tại một số vị trí nghề dưới sự hướng dẫn của người phụ trách tại cơ sở thực tập là các doanh nghiệp lễ hành. Trong quá trình thực tập, sinh viên cũng tiến hành hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

[63]. Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 105 (0/0/210/210)

Học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần học song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực hướng dẫn – lễ hành. Dưới sự định hướng của giáo viên hướng dẫn, sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề liên quan đến hướng dẫn – lễ hành, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp. Những nghiên cứu đó của sinh viên được thể hiện trên báo cáo khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường và được Hội đồng nghiệm thu Khóa luận đánh giá.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Cơ sở vật chất tại trường Đại học Khoa học

- Giảng đường 3A & 3B
- Phòng thực hành nghiệp vụ du lịch
- Phòng máy tính
- Thư viện trường
- Sân teambuilding & event

10.2. Cơ sở vật chất ngoài trường Đại học Khoa học

Hệ thống doanh nghiệp du lịch, khu/điểm du lịch có ký cam kết hợp tác đào tạo với Khoa Du lịch và Trường ĐH Khoa học.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH Khoa học - Đại học Thái Nguyên. Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết
- = 30 giờ tự học
- = 30 giờ thảo luận/bài tập hoặc thực hành

Số giờ của Học phần là bội số của 15.

11.2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các Học phần trong học kỳ mà sinh viên được phép đăng ký. Sinh viên có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

LÃNH ĐẠO KHOA



PHÒNG ĐÀO TẠO –
QLKH & HTQT


Ngô Văn Hùng

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái

Phụ lục 1

MA TRẬN TƯƠNG QUAN VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra CTĐT	1			2					3			4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ 1																	
Nhập môn Khoa học du lịch	2	3	3	3	3	3	4	3	3	3		2	2				
Địa lý du lịch		3		3	3	3	4		2								
Tiếng Anh 1				3	2	4	3				3						
Cơ sở văn hóa Việt Nam	3			3	3	3	4			3			3				
Tự chọn 1 trong 3 học phần: - Kỹ năng giao tiếp trong du lịch - Đại cương các dân tộc Việt Nam - Đạo đức nghề nghiệp	3	3		3	3	3	4	3	3	4		3	3				
Giáo dục thể chất 1							3	4									
Học kỳ 2																	
Pháp luật đại cương	2			3	3	3	4										
Tin học đại cương	2			3	3	3	4										
Tuyển điểm du lịch		3		3	3	3	4	4	3			3	3	3	2	2	
Thực tế chuyên môn 1				3	3	3	4	4	3	3		3	3	3	2	2	
Tiếng Anh 2				3	2	4	3				3						
Triết học Mác – Lênin	2			3	3	3	4										
Tự chọn 1 trong 3 học phần: - Tâm lý du lịch		3		3	3	3	4	4		3		3	3				



Chuẩn đầu ra CTĐT	1			2					3			4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
- Tài nguyên du lịch - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch																	
Giáo dục thể chất 2							3	4									
Học kỳ 3																	
Pháp luật du lịch		3		3	3	3	4										
Tiếng Anh 3				3	2	4	3				3						
Thực tế chuyên môn 2				3	3	3	4	4	3	4	2	3	3	3	3	2	2
Lịch sử VN ứng dụng trong du lịch	3	2		3	3	3	4	3		3		3					
Thiết kế và điều hành chương trình DL		4	4	3	3	3	4	4	3	4		4	3	3	4	3	2
Tự chọn 1 trong 3 học phần: - Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch - Lễ tân ngoại giao - Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	3		3	3	3	4	3			2	3	3	3	2	2	
Giáo dục thể chất 3							3	4									
Học kỳ 4																	
Tiếng Anh du lịch		3		3	3	3	4	4		3	3	3	3				
Kinh tế du lịch		3		3	3	3	4	4	3	3	2	3	3	2	2		
Văn học VN ứng dụng trong du lịch	3	3		3	3	3	4			3		3					
Văn hoá du lịch		3		3	3	3	4	4	3	3		4	3				
Nghệ vụ hướng dẫn		4	4	3	3	3	4	4	3	4	2	4	3	3	4	3	2

Chuẩn đầu ra CTĐT	1			2					3			4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Tự chọn 1 trong 3 học phần: - Du lịch sinh thái - Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam - Nghiệp vụ phụ vụ trên tàu thủy DL	3	3		3	3	3	4	4	3	3	2	4	3	3	2	2	2
Học kỳ 7																	
Kinh doanh dịch vụ bổ sung		4		3	3	3	4	4	3	4		4	3	3	4	3	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			3	3	3	4										
Lịch sử Đảng CSVN	2			3	3	3	4										
Tập sự nghề nghiệp				4	4	4	5	4	4	4	3	4	4	4	3	3	3
Quản trị kinh doanh lễ hành		4		3	3	3	4	4	3	4		4	3	3	4	3	2
Hoạt náo trong du lịch		3		3	3	3	4	4	3	3	2	4	3	3	2	2	2
Tự chọn 1 trong 3 học phần: - Quản trị chất lượng sản phẩm lễ hành - Du lịch tâm linh - Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng trong lễ hành – hướng dẫn		3		3	3	3	4	4	3	3	2	4	3	3	2	2	2
Học kỳ 8																	
Thực tập tốt nghiệp (TTTN)				4	4	4	5	4	4	4	3	4	4	4	3	3	3
Khoá luận tốt nghiệp (KLTN)		3		4	4	4	3	4	3			4			3		
HP thay thế Marketing lễ hành		3		3	3	3	4	4	3	3	2	3	3	2	2		
KLTN Du lịch thông minh		3		3	3	3	4	4	3	3	2	3	3	2	2		

Phụ lục 2

LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

Chuẩn đầu ra CTĐT		1			2					3			4					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ I		2.6	3	3	3	2.8	3.2	3.6	3.3	2.6	3.3	3	2.5	2.6				
Học kỳ II		2	3		3	2.8	3.1	3.7	4	3	3	3	3	3	3	2	2	
Học kỳ III		2.5	3	4	3	2.8	3.1	3.7	3.7	3	3.6	2.3	3.2	3	3	3	2.3	2
Học kỳ IV		3	3.3	4	3	3	3	4	4	3	3.2	2.3	3.4	3	2.5	3	3	2
Học kỳ V		2.5	3		3	3	3	4	4	3	3.2	2.3	3.3	3	2.7	2.3	2	2
Học kỳ VI		2.8	3		3	3	3	4	3.8	3	3.2	2	3.7	3	3	3	2.5	2
Học kỳ VII		2	3.5		3.1	3.1	3.1	4.1	4	3.2	3.6	2.3	4	3.2	3.2	3	2.6	2.2
Học kỳ	Thực tập TN + KLTN		3		4	4	4	4	4	3.5	4	3	4	4	4	3	3	3
VIII	Thực tập TN + HP thay thế		3		3.5	3.5	3.5	4.5	4	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3	2.5	3	3

